

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 2167/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Sửa chữa cải tạo Trụ sở làm việc Thanh Tra tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Thanh Tra tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2868/TTr-SXD ngày 02/6/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Sửa chữa cải tạo Trụ sở làm việc Thanh Tra tỉnh Thanh Hóa; của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 574/TTr-TTTH ngày 18/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa cải tạo Trụ sở làm việc Thanh Tra tỉnh với những nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Sửa chữa cải tạo Trụ sở làm việc Thanh Tra tỉnh.
- 2. Loại, cấp công trình (hiện trạng):** Công trình dân dụng, cấp III.
- 3. Chủ đầu tư:** Thanh Tra tỉnh Thanh Hóa.
- 4. Địa điểm xây dựng:** Trụ sở Thanh tra tỉnh - số 5A đường Hạc Thành, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức của cơ quan Thanh tra tỉnh.

6. Quy mô, giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình

6.1. Nhà làm việc (ký hiệu số 1)

a) Hiện trạng công trình: Công trình cao 04 tầng có diện tích xây dựng $481.9m^2$; tổng diện sàn $1820.1m^2$; cụ thể: tầng 1 cao 4,1m có diện tích sàn $410,4m^2$; tầng 2 cao 3,6m có diện tích sàn $404,7m^2$; tầng 3 cao 3,6m có diện tích sàn $388,1m^2$; tầng 4 cao 3,6m có diện tích sàn $404,3m^2$; mái tôn cao 4,7m (tính đến đỉnh mái).

b) Giải pháp sửa chữa, cải tạo:

- Tầng 1: Sơn sửa toàn bộ bên trong và ngoài nhà; vệ sinh sơn lại cửa đi, cửa sổ; vệ sinh sơn lại lan can gỗ cầu thang, hoa sắt lan can cầu thang; cải tạo mặt tiền tòa nhà: phá tường cũ ngoài trục 10, xây mới tường trục 11. Bóc bỏ nền gạch cũ tầng 1 trục (11-10, A-H), lát gạch granit 400×400 màu hồng (giống màu gạch hiện trạng). Phá toàn bộ tường trục B(9-8), lắp dựng cửa S-1. Trục B(8-7) tháo cửa SH-1, xây tường. Trục C(8-7) tháo cửa Dh-3, xây tường. Phá toàn bộ tường trục C(9-8), lắp dựng cửa D-3. Trục F(9-8) đục tường lắp cửa D-3. Phá toàn bộ tường trục G(9-8), lắp dựng cửa S-1. Xây mới lắp dựng cửa tường trục 10, 9. Phá bỏ tường trục 9.

- Tầng 2: Sơn sửa toàn bộ bên trong và ngoài nhà; vệ sinh sơn lại cửa đi, cửa sổ; vệ sinh, sơn lại lan can gỗ cầu thang, hoa sắt lan can cầu thang. Cải tạo mặt tiền tòa nhà: phá tường cũ ngoài trục 10, xây mới tường ngoài trục 10. Phá toàn bộ tường trục B(9-8), lắp dựng cửa S-1. Trục B(8-7) tháo cửa SH-1, xây tường. Phá toàn bộ tường trục G(9-8), lắp dựng cửa S-1. Phá toàn bộ lan can trục A(7-11), H(6-11), xây mới lại lan can. Bóc bỏ gạch lát nền trục (A-H, 10-11), lát mới gạch granit 400×400 màu hồng (giống màu hiện trạng). Phá bỏ sàn bê tông trục (A-H, 11-10), đổ bê tông sàn mới. Quét lớp sika chống thấm lên sàn mới, đặc biệt vị trí giáp nối với sàn cũ.

- Tầng 3: Sơn sửa toàn bộ bên trong và ngoài nhà; vệ sinh sơn lại cửa đi, cửa sổ; vệ sinh sơn lại lan can gỗ cầu thang, hoa sắt lan can cầu thang; cải tạo mặt tiền tòa nhà: phá tường cũ ngoài trục 10, xây mới tường ngoài trục 10. Phá toàn bộ tường trục B(9-8), lắp dựng cửa S-1. Trục B(8-7) tháo cửa SH-1, xây tường. Phá toàn bộ tường trục G(9-8), lắp dựng cửa S-1. Phá toàn bộ lan can trục A(7-11), H(6-11), xây mới lại lan can. Phá toàn bộ lan can trục A(4-1*), trục (1-1*, A-C), xây mới lại lan can.

- Tầng 4: Sơn sửa toàn bộ bên trong và ngoài nhà; vệ sinh sơn lại cửa đi, cửa sổ; vệ sinh sơn lại lan can gỗ cầu thang, hoa sắt lan can cầu thang; cải tạo mặt tiền tòa nhà: phá tường cũ ngoài trục 10, xây mới tường ngoài trục 10. Phá toàn bộ tường trục B(10-7), G(10-7), 10(B-G). Phá toàn bộ lan can trục A(7-11), H(6-11), xây mới lại lan can. Phá toàn bộ lan can trục A(4-1*), trục (1-1*, A-C),

xây mới lại lan can. Xây mới tường 110 trục A(11-7), H(11-7), phần ngoài trục 10. Bóc bỏ toàn bộ gạch lát nền tầng 4 trục (11-7, A-H), lát gạch granit 400x400 màu hồng (giống màu gạch hiện trạng).

6.2. Các hạng mục phụ trợ

a) Sửa chữa cổng, tường rào: Vệ sinh, sơn lại toàn bộ cổng, tường rào hoa sắt M1-M6, M1-M1*.

b) Sửa chữa Nhà 2 tầng (ký hiệu số 3):

- Phá dỡ cửa sắt xếp tầng 1, bóc bỏ lớp nền bê tông phòng làm việc mới trục (2-4, A-C).

- Xây tường mới trục A(2-4), lắp cửa đi Đ1*, cửa sổ S1*.

- Lát gạch ceramic 400x400 phòng làm việc mới.

- Sơn lại toàn bộ nhà, sơn lại toàn bộ cửa cũ.

c) Sửa chữa nhà để xe (nhà số 7):

- Nâng cao nhà để xe thêm 1m, chuyển đổi thành nhà đánh bóng bàn.

- Sơn mới toàn bộ nhà, sơn vì kèo xà gồ 2 lớp chống gỉ, một lớp màu.

- Xây tường gạch bê tông rỗng vữa xi măng (VXM) cát mác 50, trát VXM cát mác 75 trục A, D (xây cao thêm 1m).

d) Xây mới nhà để xe (ký hiệu số 5): Sử dụng kết cấu thép gồm cột thép, vì kèo thép hình, mái lợp tôn; móng sử dụng giải pháp móng cọc bê tông đá 1x2 mác 200, liên kết với cột thép D90x4 bằng bulong chân cột.

- Vì kèo thép hình chữ L50x5, xà gồ []60x30x3, sơn chống gỉ 2 lớp và một lớp màu.

- Mái lợp tôn sóng màu đỏ dày 0,4 ly.

e) Xây mới nhà để xe ô tô (ký hiệu số 4):

- Xây mới tường trục A, B bằng gạch bê tông rỗng VXM cát mác 50, trát VXM cát mác 75, dày 15.

- Sử dụng cửa D1 (cửa sắt xếp của nhà 2 tầng) làm cửa đi. Hệ thống cửa lấy sáng dùng cửa trượt nhựa lõi thép gia cường phía trục B.

- Nền nhà đổ BT đá 1x2, mác 200, dày 100; khu vực trên bể nước đổ BTCT mác 200 dày 100, có để tấm thép dày 10mm nắp bể.

- Sơn sửa toàn bộ nhà một lớp phủ 2 lớp lót.

f) Phân phá dỡ: Phá dỡ toàn bộ nhà tắm, bể nước đến cốt sàn, bồn hoa trước bể nước trên mặt bằng hiện trạng.

7. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.051.909.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.390.512.474 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 78.456.619 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 257.166.550 đồng;
- Chi phí khác: 180.444.381 đồng;
- Chi phí dự phòng: 145.329.001 đồng.

(có Phụ biểu chi tiết kèm theo).

8. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ (từ nguồn chi mua sắm, sửa chữa trong chi quản lý hành chính hàng năm).

9. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật về xây dựng hiện hành.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017.

Điều 2. Thanh Tra tỉnh Thanh Hóa (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

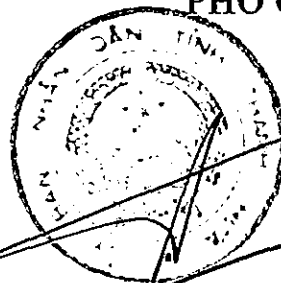
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chánh Thanh Tra tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN. (M6.9)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

Phụ biểu chi tiết: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA CẢI TẠO TRỤ SỞ LÀM VIỆC THANH TRA TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: **2167/QĐ-UBND** ngày **22/6/2017** của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng (Gxd)	2.173.193.158	217.319.316	2.390.512.474
-	Cải tạo nhà làm việc	1.940.736.585	194.073.659	2.134.810.244
-	Hạng mục phụ trợ	232.456.573	23.245.657	255.702.230
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	71.324.199	7.132.420	78.456.619
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)	233.787.773	23.378.777	257.166.550
3.1	Chi phí khảo sát đo vẽ hiện trạng			
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	141.970.363	14.197.036	156.167.399
3.3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	5.606.838	560.684	6.167.522
3.4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	5.432.983	543.298	5.976.281
3.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	9.388.194	938.819	10.327.013
3.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	71.389.395	7.138.940	78.528.335
4	Chi phí khác (Gk)	165.384.823	15.059.557	180.444.381
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình	6.519.579	651.958	7.171.537
4.2	Chi phí hạng mục chung	76.061.761	7.606.176	83.667.937
4.3	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	568.818	-	568.818
4.4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	14.220.441	-	14.220.441
4.5	Chi phí kiểm toán độc lập	47.900.432	4.790.043	52.690.475
4.6	Chi phí thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy	3.675.759	367.576	4.043.335
4.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	1.086.597	108.660	1.195.257
4.8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1.086.597	108.660	1.195.257
4.9	Chi phí công tác giám sát, đánh giá đầu tư	14.264.840	1.426.484	15.691.324
5	Chi phí dự phòng (Gdp)	145.329.001	-	145.329.001
5.1	Dự phòng khối lượng phát sinh	145.329.001	-	145.329.001
	Tổng cộng (Gxdct)	2.789.018.954	262.890.070	3.051.909.025
	Làm tròn			3.051.909.000